

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2025
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đăng Năng

Ông Lưu Văn Có

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Đình V - sinh năm 1978; căn cước công dân số: 040078013026 cấp ngày 07/4/2023; Địa chỉ: Thôn A, xã E - huyện C (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1983; căn cước công dân số: 042183014045 cấp ngày 21/3/2022; Địa chỉ: Thôn P, xã P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hồ Đình V trình bày: Năm 2011, ông và bà Nguyễn Thị N tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, giữa ông và bà N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện tại, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Hồ Minh D (sinh ngày 08/4/2013), Hồ Hà V1 (sinh ngày 25/6/2011). Sau khi vợ chồng ông sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, các con chung do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do làm ăn thua lỗ, thất nghiệp, ông không có khả năng đóng góp tiền

nuôi con. Ông thừa nhận toàn bộ chi phí nuôi con trong khoản thời gian này đều do một mình bà N tự xoay sở, lo liệu nhưng có một lần vào tháng 06/2024, ông gửi cho cha mẹ vợ 2.500.000 đồng để nhờ đưa cho bà N phụ lo chi phí học hành, sinh hoạt của các con. Sau khi ly hôn, ông đề nghị giao 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây, ông đồng ý cấp dưỡng cho 02 con với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng/01 con chung tuy nhiên tại phiên tòa, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con chung theo mức tối thiểu do pháp luật quy định; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2025) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Đối với yêu cầu của bà N buộc ông cấp dưỡng nuôi con kể từ thời điểm cả hai vợ chồng không còn chung sống từ ngày 01/01/2019 cho đến trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì ông không đồng ý vì ông thất nghiệp, không có khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Nho T thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Đối với số tiền 385.000.000 đồng mà bà N đã vay của ông Nguyễn Duy N1 và bà Nguyễn Thị N2 theo Giấy vay nợ đề ngày 12/01/2019 thì khi vay tiền, bà N không trao đổi, thông báo cho ông biết, ông không ký nhận nợ, không nhận tiền vay, cũng không sử dụng số tiền vay này; việc bà N cho rằng khoản vay dùng để lo chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ông sống ly thân và xác định đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông không đồng ý. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà N, không liên quan gì đến ông nên ông không có nghĩa vụ liên đới với bà N trả số nợ trên cho ông N1, bà N2.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hồ Đình V về thời gian chung sống, kết hôn và về con chung. Quá trình chung sống, bà và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do tính tính không hòa hợp, ông V cờ bạc, làm ăn thua lỗ và nhiều lần bà phải bán tài sản chung để trả nợ dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Bà cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Các cháu Hồ Minh D, Hồ Hà V1 hiện do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ cuối năm 2018 đến nay. Trong khoảng thời gian vợ chồng bà sống ly thân, ông V không cấp dưỡng nuôi con, đồng thời bà cũng phủ nhận việc ông V gửi cho cha mẹ bà số tiền 2.500.000 đồng vào tháng 06/2024 để phụ chi phí nuôi con. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông V hoàn trả khoản tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung từ ngày từ ngày 01/01/2019 (*thời điểm hai bên không còn chung sống*) đến ngày 15/9/2025 (*ngày xét xử sơ thẩm*) với mức 2.500.000 đồng/tháng/01 con chung, tương ứng với khoản chi phí mà bà đã tự bỏ ra để nuôi dưỡng thay cho ông V. Đồng thời, bà yêu cầu ông V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng/01 con chung, kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Đối với khoản nợ 385.000.000 đồng mà bà đã vay của ông Nguyễn Duy N1 và bà Nguyễn Thị N2: Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ vợ chồng bà sống ly thân, mục đích của khoản vay này để chi trả chi phí sinh hoạt, học tập của các con chung; bà thừa nhận không thông báo cho ông V biết về khoản vay này, ông V không ký vào giấy nhận nợ, không nhận tiền vay. Do ông V không đồng ý đây là nợ chung và cùng bà liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà và không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Ý kiến của Đại diện Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Hồ Đình V và bà Nguyễn Thị Nho. Giao 02 con chung Hồ Minh D và Hồ Hà V1 cho bà N nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do ông V là người không trực tiếp nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi ông V đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2019 đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Theo đó, buộc ông V hoàn trả cho bà N số tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 14/9/2025, tương ứng với khoản chi phí mà bà N đã tự bỏ ra để nuôi dưỡng thay cho ông V; đồng thời buộc ông V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức cấp dưỡng 1.725.000 đồng/tháng/01 con chung kể từ ngày 15/9/2025 (*ngày xét xử sơ thẩm*) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét do đương sự không có yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn hiện đang sinh sống cư trú tại phường N, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Đình V và bà Nguyễn Thị N kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2011 ngày 18/01/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông V và bà N thường xuyên xảy ra xích mích, bất đồng quan điểm sống, không có sự thấu hiểu dẫn đến cả hai không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông V và bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; ông V yêu cầu xin ly hôn, bà N đồng ý ly hôn, Tòa án đã hòa giải nhưng không thành, việc

thuận tình ly hôn giữa ông V và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Ông V và bà N xác định có 02 con chung là Hồ Minh D (sinh ngày 08/4/2013), Hồ Hà V1 (sinh ngày 25/6/2011) và hiện tại cả hai con chung đang sống cùng bà N; thống nhất bà N sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; các cháu D, V1 đều có nguyện vọng được cùng mẹ và để đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc, phát triển mọi mặt của các con chung nên cần giao các cháu Hồ Minh D, Hồ Hà V1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung:

[4.1] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Căn cứ Điều 82, Điều 83; khoản 24 Điều 3, Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 278 Bộ luật Dân sự và áp dụng Án lệ số 62/2023/AL1 thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con.

Căn cứ vào lời khai của các bên, ông V và bà N đều thừa nhận không còn chung sống với nhau là từ cuối năm 2018 đến nay, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Minh D, Hồ Hà V1 và một mình chi trả toàn bộ khoản chi phí nuôi con. Việc ông V cho rằng có gửi cho cha mẹ bà N số tiền 2.500.000 đồng vào tháng 06/2024 để cấp dưỡng nuôi con, xét thấy ngoài lời trình bày thì ông V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; bà N cũng không thừa nhận sự việc trên nên việc ông V cho rằng đã cấp dưỡng cho bà N số tiền 2.500.000 đồng là không có căn cứ. Vì vậy, bà N yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] *Về mức cấp dưỡng nuôi con:*

[4.2.1] Ông V là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bà N không xác định được nơi làm việc và mức thu nhập cụ thể của ông V, hai bên cũng không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Do đó, Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để quyết định số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Tại phiên tòa, ông vẫn trình bày từ ngày 01/01/2019 đến nay, ông làm việc tại nhiều nơi, tuy nhiên nơi cư trú thường xuyên của ông là tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng (*Nghị định 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được áp dụng từ ngày 01/01/2019; Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 được áp dụng từ ngày 01/01/2020; Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày*

12/6/2022 được áp dụng từ ngày 01/7/2022; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 được áp dụng từ ngày 01/7/2024) và phụ lục danh mục địa bàn áp dụng, xác định xã E - huyện C (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk thuộc Vùng IV. Mức cấp dưỡng mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi người con là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng Vùng IV tại thời điểm áp dụng.

[4.2.2] Mức cấp dưỡng cụ thể đối với mỗi người con mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 14/9/2025 được tính như sau:

- Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019: Mức lương tối thiểu vùng IV là: 2.920.000 đồng/tháng. Số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: $\frac{1}{2} \times 2.920.000$ đồng/tháng $\times 12$ tháng = 17.520.000 đồng **(1)**.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2022: Mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.070.000 đồng/tháng. Số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: $\frac{1}{2} \times 3.070.000$ đồng/tháng $\times 30$ tháng = 46.050.000 đồng **(2)**.

- Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/6/2024: Mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.250.000 đồng/tháng. Số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: $\frac{1}{2} \times 3.250.000$ đồng/tháng $\times 24$ tháng = 39.000.000 đồng **(3)**.

+ Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/08/2025: Mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.450.000 đồng/tháng. Số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: $\frac{1}{2} \times 3.450.000$ đồng/tháng $\times 14$ tháng = 24.150.000 đồng **(4)**.

+ Từ ngày 01/09/2025 đến ngày 14/9/2025: Mức lương tối thiểu vùng IV là: 3.450.000 đồng/tháng. Số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là: $\frac{1}{2} \times 3.450.000$ đồng/tháng $\times 14$ ngày/30 ngày = 805.000 đồng **(5)**.

Tổng cộng: (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 127.525.000 đồng/01 con chung.

Như vậy, tổng số tiền mà ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng từ ngày 01/01/2019 đến ngày 14/9/2025 cho 02 con chung là 127.525.000 đồng/01 con chung $\times 02$ con chung = **255.050.000 đồng**.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để buộc ông V phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hồ Minh D, Hồ Hà V1 kể từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 14/9/2025, tương ứng với khoản chi phí mà bà N đã tự bỏ ra để nuôi dưỡng thay cho ông V với tổng số tiền là 255.050.000 đồng.

[4.2.3] Kể từ ngày 15/9/2025, ông V có nghĩa vụ tiếp tục cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hồ Minh D, Hồ Hà V1, với mức cấp dưỡng đối với mỗi người con là 1.725.000 đồng/tháng - tương ứng với $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng IV tại thời điểm xét xử cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà N đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với khoản nợ 385.000.000 đồng theo Giấy vay nợ đề ngày 12/01/2019: Xét thấy ông V, bà N đều xác định đây là khoản nợ riêng của Nho;

tại phiên tòa, bà N đã nộp văn bản trình bày ý kiến của bà N2, ông N1 xác nhận đây là khoản nợ riêng của bà N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết khoản nợ trên trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xét thấy, ông Hồ Đình V và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn trước khi Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngoài ra, ông V còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên tổng án phí ông V phải nộp là 375.000 đồng. Tiền án án phí mà ông V phải nộp được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên ông V còn phải nộp thêm 75.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Án lệ 62/2023/AL1 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định 39/QĐ-CA24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào khoản 24 Điều 3; các Điều 51; 55; 81; 82; 83; 107; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Hồ Đình V với bị đơn bà Nguyễn Thị Nho .

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung Hồ Minh D (sinh ngày 08/4/2013) và Hồ Hà V1 (sinh ngày 25/6/2011) cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

2.2. Buộc ông Hồ Đình V phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hồ Minh D và Hồ Hà V1 từ ngày 01/01/2019 đến 14/9/2025 là: 255.050.000 đồng (*Hai trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.3. Buộc ông Hồ Đình V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hồ Minh D và Hồ Hà V1 cho bà Nguyễn Thị N mỗi tháng 1.725.000 đồng (*Một*

triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)/tháng/01 con chung, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/9/2025 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

2.4. Ông Hồ Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Quá trình nuôi con chung, ông Hồ Đình V, bà Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Đình V và bà Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông V phải nộp 375.000 đồng tiền án phí (trong đó có 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004030 ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Khánh Hòa). Vì vậy, ông V phải nộp thêm 75.000 đồng tiền án phí; bà Nguyễn Thị N phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quy định chung: Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã E (Nơi đăng ký kết hôn - Giấy CNKH số 07 ngày 18/01/2011);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm